**TUẦN 35** **Thứ Hai ngày 13 tháng 5 năm 2024**

**Tiết 1** **GIÁO DỤC TẬP THỂ**

**Chào cờ Đội**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Tiết 2** **TOÁN**

**Kiểm tra định kì cuối HKII**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**: Kiểm tra kiến thức của HS về.

- Kiến thức ban đầu về số thập phân, kĩ năng thực hành phép tính với số thập phân

- Giải toán về tỉ số phần trăm

- Tính diện tích, thể tích 1 số hình đã học.

- Giải toán về chuyển động đều.

**2. Năng lực**: HS tích cực chủ động vận dụng kiến thức vào làm tính và giải toán nhanh, chính xác, cách trình bày gọn gàng, khoa học.

**3. Phẩm chất**: Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Toán.

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Khởi động- Kết nối** (1- 2’)

- Giới thiệu bài:

**2. Kiểm tra** (35- 38’)

**ĐỀ BÀI**

**I. PHẦN 1: TRẮC NGHIỆM**

**Khoanh vào chữ đặt trước vào câu trả lời đúng** (4 điểm)

1. Tìm x là số thập phân biết 0,5 < x < 0,6

A. 0,5 B. 0,6 C. 0,52 D. 0,50

2. Chữ số 9 trong số thập phân 17,209 thuộc hàng nào?

A. Hàng nghìn B. Hàng phần mười C. Hàng phần trăm D. Hàng phần nghìn

3. Phân số 4/ 5 viết dưới dạng số thập phân là:

A. 4,5 B. 0,8 C. 8,0 D. 0,45

4. Khoảng thời gian từ lúc 7 giờ kém 10 phút đến 7 giờ 30 phút là:

A. 10 phút B. 20 phút C. 30 phút D. 40 phút

5. Đội bóng của 1 trường đã thi đấu 20 trận, thắng 19 trận. Như thế tỉ số phần trăm các trận thắng của đội bóng đó là.

A. 19% B. 85% C. 90% D. 95 %

**II. PHẦN 2: TỰ LUẬN**

1. Bài 1: Đặt tính rồi tính (2 điểm)

5,006 + 2,357 + 4,5 63,21 - 14,75 21,8 x 3,4 24,36 : 6

2. Bài 2: (2 điểm )

1 Ô tô đi từ tỉnh A lúc 7 giờ và đến tỉnh B lúc 11giờ 45 phút. Ô tô đi với vận tốc 45 km / giờ và dọc đường ô tô nghỉ 15 phút. Tính quãng đường AB.

3. Bài 3: (2 điểm) 1 hình chữ nhật có chiều dài 40 m, chiều rộng bằng 70% chiều dài. Tính chu vi hình chữ nhật đó. Tính số thóc thu được trên thửa ruộng đó biết cứ 100m2 thu được 62 kg.

**3. Củng cố- Dặn dò:** (1- 2’)

- Thu bài chấm điểm

**Tiết 3 TẬP ĐỌC**

**Ôn tập cuối học kỳ II (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**: Giúp học sinh.

- Kiểm tra lấy điểm tập đọc, học thuộc lòng kết hợp kiểm tra kỹ năng đọc hiểu.

- Biết lập bảng thống kê về chủ ngữ, vị ngữ trong từng kiểu câu đã học để củng cố, khắc sâu kiến thức về chủ ngữ, vị ngữ trong từng kiểu câu kể.

**2. Năng lực**: Rèn cho HS mạnh dạn, tự tin, trình bày ý kiến rõ ràng, ngắn gọn trước lớp, biết lắng nghe bạn đọc và trả lời để cùng chia sẻ, nhận xét, đánh giá bạn.

**3. Phẩm chất**: Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Tiếng Việt.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**: TV, MT.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - GV mở video  - Giới thiệu bài:  **2. Ôn tập:** (32 - 34’)  \* Bài 1: Ôn tập các bài tập đọc (23- 25’)  - Nêu tên chủ điểm 9 và tên các bài tập đọc, học thuộc lòng đã học từ tuần 29 đến tuần 31 ?  - GV nhắc lại Chủ điểm: Nam và nữ.  Bài 1: Một vụ đắm tàu.  Bài 2: Con gái.  Bài 3: Thuần phục sư tử.  Bài 4: Tà áo dài Việt Nam.  Bài 5: Công việc đầu tiên.  Bài 6: Bầm ơi  \* Ôn các bài văn xuôi (Bài 1,2, 3, 4, 5)  - GV cho HS ôn lần lượt từng bài.  (GV nhận xét, tư vấn, hỗ trợ HS.)  Chú ý ôn đến bài nào GV có thể hỏi HS một câu hỏi khái quát để HS nêu được giọng đọc của đoạn hoặc của cả bài.)  Chẳng hạn :  - Bài 2: Theo em khi đọc diễn cảm bài này ta đọc với giọng thế nào?  - Bài 3: Câu chuyện có ý nghĩa gì đối với cuộc sống của chúng ta?  - Bài 4: Theo em trong bài này chúng ta nên đọc với giọng thế nào cho phù hợp nội dung bài ?  - Bài 5: Khi đọc bài này các em cần chú ý điều gì ?  - Yêu cầu HS chọn trong các bài văn ấy câu văn nào hay, đoạn văn nào hay nhất, thích nhất, hãy đọc lại cho cả lớp nghe.  \* Ôn bài thơ : Bầm ơi  - Cho HS chơi trò chơi thả thơ: HS có thể viết tên câu thơ hoặc khổ thơ mà em thích nhất đọc rồi thả cho bạn trong nhóm. Sau đó gọi từng nhóm đọc.  (GV nhận xét, tư vấn, hỗ trợ HS)  Chú ý khi HS đọc GV có thể xen kẽ hỏi HS về nội dung hoặc giọng đọc ở một vài khổ thơ...  => GV tổng kết nhận xét, đánh giá trực tiếp từng HS.  **3. Bài tập**: 2/162 (18- 20')  - Gọi HS đọc mẫu/ SGK  - Em đã được học những kiểu câu kể nào?  - Em cần lập bảng tổng kết cho kiểu câu kể nào ?  - Cho HS làm bài theo mẫu/SGK.  - Gọi HS trình bày, nhận xét, bổ sung...  + Các kiểu câu kể trên giống và khác nhau ở điểm nào ?  => GV tổng kết.  **3. Củng cố, dặn dò**: (1- 2')  - Nhận xét chung giờ học. | - HS khởi động  - HS nêu: Chủ điểm: Nam và nữ.  Bài 1: Một vụ đắm tàu.  Bài 2: Con gái.  Bài 3: Thuần phục sư tử.  Bài 4: Tà áo dài Việt Nam.  Bài 5: Công việc đầu tiên.  Bài 6: Bầm ơi  - Giọng kể thủ thỉ, tâm tình.  - Nêu lên sự kiên nhẫn, dịu dàng, thông minh là những đức tính làm nên sức mạnh của người phụ nữ, giúp họ bảo vệ hạnh phúc gia đình.  - Giọng nhẹ nhàng, cảm hứng ca ngợi, tự hào.  - Đọc đúng lời của các nhân vật.  - HS đọc, nêu yêu cầu của bài  - HS đọc  - Ai là gì?, Ai làm gì?, Ai thế nào?  - HS làm bài vào vở nháp  - HS trình bày ...  \* Giống: Chủ ngữ đều trả lời cho câu hỏi: Ai, cái gì, con gì? Chủ ngữ là danh từ, cụm danh từ, đại từ.  \* Khác: Vị ngữ của câu kể "Ai làm gì?" trả lời câu hỏi làm gì và do cụm động từ, động từ đảm nhiệm còn vị ngữ trong câu "Ai thế nào?" trả lời câu hỏi như thế nào và do tính từ, cụm tính từ đảm nhận. |

**\* Điều chỉnh sau bài dạy**

…………………………………………………………………………………………………..

**Tiết 4 ĐẠO ĐỨC**

**Thực hành kĩ năng cuối kì I và cuối năm**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Qua giờ thực hành giúp Hs rèn luyện để củng cố lại những hành vi đạo đức mà các em đã được học ở học kì II (yêu quê hương, yêu tổ quốc Việt Nam...)

**2. Năng lực:** HS có ý thức thực hiện tốt các hành vi .

**3. Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Đạo đức, vận dụng trong cuộc sống hàng ngày.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**: TV, MT. Phiếu học tập.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - GV mở video  - Giới thiệu bài:  **2. Ôn tập**  **HĐ1:** Thực hành xử lí tình huống (15- 16’)  \* Mục tiêu: Hs biết lựa chọn các hành vi phù hợp.  \* Tiến hành : Làm việc theo nhóm.  - Đưa một số tình huống theo nội dung các bài đã học ở học kì II.  - Nhận xét, chốt cách xử lí tình huống đúng .  \* KL: Cần lựa chọn những cách xử lí tình huống sao cho phù hợp với từng hành vi...  **HĐ2:** Đóng vai (15- 17’)  \* Mục tiêu: Hs biết đóng vai xử lí tình huống liên quan đến hành vi đạo đức .  \* Tiến hành : Làm theo nhóm .  - Chia lớp thành các nhóm 4, phát phiếu bài tập, yêu cầu Hs đóng vai .  - Nhận xét, bổ sung.  **3. Củng cố (2- 3’)**  - Hệ thống lại nội dung ôn tập .  - Nhận xét, dặn dò về nhà . | - HS khởi động  - Thảo luận nhóm đôi, lựa chọn các hành vi phù hợp .  - Đại diện trình bày .  - Thảo luận và đóng vai theo các tình huống ghi trong phiếu bài tập.  - Thực hiện diễn trước lớp . |

**\* Điều chỉnh sau bài dạy**

…………………………………………………………………………………………………..

**Tiết 5** **KHOA HỌC**

**Ôn tập: Môi trường và tài nguyên thiên nhiên**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**: Giúp học sinh củng cố khắc sâu hiểu biết về.

- Một số từ ngữ liên quan đến môi trường.

- Một số nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường.

- Một số biện pháp bảo vệ môi trường.

**2. Năng lực**: HS mạnh dạn tự tin khi thực hiện nhiệm vụ học tập và trình bày ý kiến; tự giải quyết vấn đề nhanh gọn và khoa học, đúng với yêu cầu đề bài.

**3. Phẩm chất**: Rèn luyện phẩm chất quý trọng tài nguyên thiên nhiên.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Phấn màu, PBT, TV, MT.

**2. Học sinh:** Bảng con, nháp.

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Kiểm tra bài cũ** (2- 3')  - GV mở video  - Nêu những việc em và các bạn đã làm để góp phần bảo vệ MT?  - Giới thiệu bài:  **2. Ôn tập** (28- 30')  **HĐ1:** Trò chơi: “Đoán chữ” (15-16’)  \* Mục tiêu: Giúp HS hiểu về khái niệm môi trường.  \* Cách tiến hành:  - Y/c đọc sgk và điền các chữ cái vào ô trống để giải ô chữ cột dọc màu xanh.  - Thống nhất đáp án đúng:  + Dòng 1: bạc màu, dòng 2: đồi trọc, dòng 3: rừng, dòng 4: tài nguyên, dòng 5: bị tàn phá.  + Cột dọc: bọ rùa.  \* KL: bọ rùa chuyên ăn các loại rệp cây, việc sử dụng bọ rùa là biện pháp sinh học góp phần bảo vệ MT, bảo vệ cân bằng sinh thái trên đồng ruộng.  **Hoạt động 2**: Làm việc cá nhân (19- 20')  - GV đưa phiếu học tập lên MH  - GV chọn ra 10 HS làm nhanh và đúng để tuyên d­ương.  **\*** Câu hỏi trắc nghiệm: Chọn câu trả lời đúng:  Câu 1: Điều gì sẽ xảy ra khi có quá nhiều khói, khí độc thải vào không khí?  Câu 2: Yếu tố nào đư­ợc nêu ra d­ưới đây có thể làm ô nhiễm nư­ớc?  Câu 3: Trong các biện pháp làm tăng sản lượng l­ương thực trên diện tích đất canh tác, biện pháp nào sẽ làm ô nhiễm môi tr­ường đất?  Câu 4: Theo bạn, đặc điểm nào là quan trọng nhất của n­ước sạch?  **3. Củng cố- dặn dò** (2- 3')  - Nhận xét tiết học. | - HS khởi động  - HS nêu  - Đọc sgk, làm việc cá nhân.  - Đọc đúng nghĩa từ ngữ từng dòng, NX  - Giải ô chữ màu xanh (bọ rùa  - HS đọc  b) Không khí bị ô nhiễm.  c) Chất thải  d) Tăng cư­ờng dùng phân hoá học và thuôc trừ sâu.  c) Giúp phòng tránh đ­ược các bệnh về đường tiêu hoá, bệnh ngoài da, đau mắt… |

**\* Điều chỉnh sau bài dạy**

…………………………………………………………………………………………………...

**Tiết 6** **TOÁN (BS)**

**Luyện Toán**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức kĩ năng:** Giúp học sinh.

- Củng cố về cách tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần, thể tích của hình hộp chữ nhật, hình lập phương.

- HS vận dụng làm tốt các bài tập trong vở bài tập toán.

**2. Năng lực:** HS tích cực chủ động vận dụng kiến thức về cách tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần, thể tích của hình hộp chữ nhật, hình lập phương vào làm tính và giải toán nhanh, chính xác, cách trình bày gọn gàng, khoa học.

**3. Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Toán.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. GV:**Phấn màu, TV, MT, MS

**2. HS:** Bảng con, nháp, Vở bài tập Toán.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt độngcủa học sinh** |
| **1. Khởi động, kết nối** (3 - 5’)  - GV mở video  - GV nêu yêu cầu tiết học:  **2. Luyện tập**: (35- 36’)  a. Bài 1/107 (Dành cho HS cả lớp)  - GV chữa bài, nhận xét  - Em làm thế nào để tìm được diện tích xung quanh của hình lập phương 1 là 256cm2 , Diện tích toàn phần là 384 cm2, thể tích 512cm3 ?  - Nêu cách tìm diện tích xung quanh, diện tích toàn phần, thể tích của hình hộp chữ nhật 1?  - Nêu cách tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần của hình hộp chữ nhật, hình lập phương?  b. Bài 2/107(Dành cho HS cả lớp)  - GV chấm, chữa bài.  - Em làm thế nào để tìm được chiều cao của bể là 0,8m?  - Nêu cách tìm chiều cao của hình hộp chữ nhật?  c. Bài 3/108(Dành cho HS cả lớp)  - GV chữa bài, nhận xét  - Muốn tính được thể tích, diện tích toàn phần của hình H em phải làm gì?  - Nêu công thức tính thể tích, diện tích toàn phần của hình lập phương?  d. Bài 4/107(Dành cho HS cả lớp)  - GV chấm, chữa bài  - Vì sao em biết khi cạnh hình lập phương gấp lên 2 lần thí thể tích của nó gấp lên 8 lần?  - Khi nào phải làm phép tính cụ thể, khi nào thì phải dựa vào công thức để tìm số lần gấp?  **3. Củng cố**, **dặn dò**: (2 - 3’)  - Nêu cách tìm diện tích xung quanh, diện tích toàn phần, thể tích của hình hộp chữ nhật, hình lập phương?  - Về nhà học và ôn bài. | - HS khởi động  - HS đọc bài, xác định yêu cầu.  - HS làm vở bài tập, chữa bài  - HS nêu cách làm  - HS nêu cách làm  - HS nêu quy tắc  - HS đọc bài, nêu yêu cầu.  - HS làm vở bài tập, chữa bài  - HS nêu  - HS nêu  - HS đọc bài, nêu yêu cầu.  - HS làm vở bài tập, chữa bài  - HS nêu  - HS nêu  - HS đọc bài, nêu yêu cầu.  - HS làm vở bài tập, chữa bài  - HS nêu  - HS nêu |

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Tiết 7** **THỂ DỤC**

**Trò chơi: Lò cò tiếp sức - Lăn bóng bằng tay**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**: Giúp học sinh.

- Chơi trò chơi: “Lò cò tiếp sức”. Yêu cầu biết cách chơi và tham gia chơi tương đối chủ động, tích cực.

- Chơi trò chơi: Lăn bóng bằng tay. Yêu cầu biết cách chơi và tham gia chơi chủ động, tích cực.

**2. Năng lực**: Rèn luyện năng lực hoạt động độc lập, hợp tác trong nhóm, mạnh dạn, tự tin tr­ước tập thể.

**3. Phẩm chất**: HS có ý thức tập luyện TDTT để rèn luyện sức khỏe.

**II. ĐỊA ĐIỂM, PH­­ƯƠNG TIỆN**

- Địa điểm: Trên sân cỏ. Vệ sinh nơi tập

- Phư­­ơng tiện: còi, mỗi HS 1 quả cầu

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung và phư­ơng pháp** | **Đ.lượng** | **Đội hình đội ngũ** |
| **1. Phần mở đầu**:  - Lớp tr­ởng tập hợp lớp, điểm số báo cáo  - GV phổ biến nhiệm vụ, yêu cầu bài học.  - Lớp chạy chậm theo đội hình tự nhiên quanh sân tập 120-150m sau đó xoay các khớp cổ chân, cổ tay, khớp gối.  **2. Phần cơ bản**:  a) Chơi trò chơi:“Lò cò tiếp sức”  - GV nêu tên trò chơi và quy định chơi.  - Cho HS tham gia chơi thử.  - Cho HS chơi  - GV quan sát nhận xét, biểu dương tổ thực hiện đúng luật.  b. Chơi trò chơi:“ Lăn bóng bằng tay”  - GV nêu tên trò chơi và quy định chơi.  - Cho HS tham gia chơi thử.  - Cho HS chơi chính thức  - GV quan sát nhận xét, biểu d­ơng tổ chơi nhiệt tình đúng luật  **3. Phần kết thúc**:  - Cho HS chạy chậm, hít thở sâu tích cực.  - Nhận xét, đánh giá kết quả bài học.  - Về nhà tập đá cầu, ném bóng trúng đích | 6 -10’  18- 22’  4 - 6’ | 🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹  LOP3-H56    🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹 |

**\* Điều chỉnh sau bài dạy**

…………………………………………………………………………………………………...

**Thứ Ba ngày 14 tháng 5 năm 2024**

**Tiết 1 TOÁN**

**Làm quen với xác suất**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Nhận biết và mô tả được các khả năng xảy ra (có tính ngẫu nhiên) của một sự kiện khi thực hiện (1 lần) thí nghiệm đơn giản.

- HS vận dụng làm các bài tập liên quan đến xác suất.

**2. Năng lực:**  Rèn luyện tính cẩn thận, năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học, nặng lực sử dụng công cụ, phương tiện toán học.

**3. Phẩm chất**: Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Toán.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: 3 cái hộp, bóng các màu, đồng xu

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** |
| **1. Khởi động** (3- 5’)  - GV mở video  - GV cho HS chơi trò chơi: “Ai nhanh nhất” để TLCH sau:  + Lớp em có bao nhiêu bạn học sinh?  + Trong đó có bao nhiêu bạn nam? Bao nhiêu bạn nữ?  + Một tuần em đi học mấy buổi, em được nghỉ mấy buổi? Đó là buổi nào?  - GV nhận xét câu trả lời của HS  - Giới thiệu bài  **2. Khám phá** (3- 5’): Nhận biết các thuật  ngữ: Chắc chắn, có thể, không thể | - HS khởi động  - HS trả lời các câu hỏi của GV  - HS nhận xét, đánh giá bạn |
| VD: Trò chơi : Chọn quả bóng màu đỏ trong 3 hộp:  + Hộp 1: Chỉ có bóng đỏ  + Hộp 2: Có cả ba loại: xanh, đỏ, vàng  + Hộp 3: Không có bóng đỏ  - GV nêu câu hỏi:  + Trong hộp 1 em có chắc chắn lấy được bóng đỏ không?  + Trong hộp 2 em có thể lấy được bóng đỏ không?  + Trong hộp 3 em có thể lấy được bóng đỏ không?  - GV yêu cầu hS giải thích, nhận xét  - GV đặt câu hỏi :  + Em hiểu thế nào là từ « chắc chắn, có thể, không thể» ?  - Từ đó GV giúp học sinh bước đầu làm quen với việc mô tả những hiện tượng liên quan tới các thuật ngữ có thể, chắc chắn, không thể.  - GV chốt nội dung | - HS đọc ví dụ, phân tích ví dụ  - Em chắc chắn lấy được bóng đỏ.  - Em có thể lấy được bóng đỏ.  - Em không thể lấy được bóng đỏ.  - HS giải thích  - HS trả lời |
| **3. Thực hành** (18 - 20’)  **Bài 1:** Có một đồng xu. Mặt thứ nhất ghi số 500 đồng. Mặt thứ hai hình quốc huy nước Việt Nam. Khi tung đồng xu lên và rơi đồng xu vào tay. Theo em:  + Mặt đồng xu có thể là mặt có số 500 đồng không?  + Mặt đồng xu có thể là mặt hình quốc huy Việt Nam không?  + Mặt đồng xu có thể là mặt số 1000 đồng không?  - GV cho HS đọc yêu cầu bài tập.  - GV giới thiệu hình ảnh đồng xu, giới thiệu 2 mặt của đồng xu.  - GV yêu cầu 1 HS thực hành tung đồng xu, HS khác quan sát.  - Sau đó cho HS đưa ra các thuật ngữ để trả lời 3 câu hỏi GV đưa ra.  - Ở câu hỏi số 3, GV yêu cầu HS giải thích lí do?  - GV nx, củng cố về các thuật ngữ.  **Bài 2:** Có 3 thùng, thùng đựng 10 quả cam, thùng 2 đựng 10 quả cam và 10 quả táo. Em:  + Chắc chắn lấy được 10 quả cam từ thùng 1 không?  + Có thể lấy được 10 quả táo từ thùng 2 không?  + Có thể lấy được 15 quả táo từ thùng 2 không?  - GV cho HS đọc, phân tích bài toán.  - Yêu cầu HS suy nghĩ TLN 4.  - Yêu cầu HS trình bày.  - GV chốt kết quả.  - Củng cố các thuật ngữ “chắc chắn, có thể, không thể” trong xác suất.  **4. Vận dụng** (3- 5’)  - Trong tiết học hôm nay em chắc chắn, có thể, không thể làm các bài tập nào?  - Khi làm được các bài tập đó em cảm thấy thế nào?  **5. Hoạt động tiếp nối** (1- 2’)  - GV nhận xét tiết học, dặn dò HS. | - HS đọc yêu cầu bài tập  - HS quan sát  - 1 HS thực hành  - HS trả lời, giải thích  - HS lắng nghe  - Chắc chắn  - Có thể  - Không thể  - HS đọc, phân tích bài toán  - HS TLN 4  - HS trình bày theo nhóm  - HS lắng nghe  - HS liên hệ bản thân  - HS liên hệ  - Ghi nhớ. |

**\* Điều chỉnh sau bài dạy**

…………………………………………………………………………………………………..

**Tiết 2 CHÍNH TẢ**

**Ôn tập cuối học kì II (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**: Giúp học sinh.

- Tiếp tục kiểm tra lấy điểm tập đọc, học thuộc lòng (Yêu cầu như tiết 1)

- Lập bảng thống kê về trạng ngữ : Trạng ngữ chỉ nơi chốn, thời gian, nguyên nhân, mục đích, phương tiện.

**2. Năng lực**: HS mạnh dạn, tự tin khi thực hiện nhiệm vụ học tập và trình bày ý kiến. Biết vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập; tự giải quyết vấn đề nhanh gọn và khoa học, đúng với yêu cầu đề bài.

**3. Phẩm chất**: Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Tiếng Việt.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**: Phấn màu, TV, MT.

**2. Học sinh**: bảng con.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - GV mở video  - Giới thiệu bài:  **2. Ôn tập:**  \* Bài 1: Ôn tập các bài TĐ: (23 - 25’)  - Nêu tên chủ điểm 10 và tên các bài tập đọc, học thuộc lòng đã học từ tuần 32 đến tuần 34?  - GV nhắc lại.  Chủ điểm: Những chủ nhân tương lai.  Bài 1: Út Vịnh.  Bài 2: Những cánh buồm.  Bài 3: Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.  Bài 4: Sang năm con lên bảy.  Bài 5: Lớp học trên đường.  Bài 6: Nếu trái đất thiếu trẻ con.  \* Ôn các bài văn xuôi (Bài 1,3, 5)  - GV cho HS ôn lần lượt từng bài.  (GV nhận xét, tư vấn, hỗ trợ HS.)  Chú ý ôn đến bài nào GV có thể hỏi HS một câu hỏi khái quát để HS nêu được giọng đọc của đoạn hoặc của cả bài.)  Chẳng hạn :  - Bài 1: Theo em, bài này chúng ta nên đọc với giọng thế nào cho phù hợp nội dung bài?  - Bài 3: ở bài này, khi đọc các điều luật ta nên đọc với giọng như thế nào?  - Bài 5: Em hãy nêu cách thể hiện giọng đọc của bài?  - Yêu cầu HS chọn trong các bài văn ấy câu văn nào hay, đoạn văn nào hay nhất, thích nhất, hãy đọc lại.  \* Ôn bài thơ : Những cánh buồm.  Sang năm con lên bảy.  Nếu trái đất thiếu trẻ con.  - Cho HS viết tên câu thơ hoặc khổ thơ mà em thích nhất đọc rồi đọc.  Chú ý khi HS đọc GV có thể xen kẽ hỏi HS về nội dung hoặc giọng đọc ở một vài khổ thơ...  => GV tổng kết nhận xét, đánh giá trực tiếp từng HS .  **3. Bài tập 2**: (19- 20')  \* Bài 2: Hoàn chỉnh bảng tổng kết.  - Bài yêu cầu gì?  - GV chữa bài, nhận xét  + Trạng ngữ là gì? Có tác dụng gì?  + Trạng ngữ thường đứng ở vị trí nào trong câu?  + Có những loại trạng ngữ nào?  - Cho HS hoàn thành bảng tổng kết về trạng ngữ.  - Gọi HS trình bày  + Nêu tác dụng của trạng ngữ?  **3. Củng cố, dặn dò**: (2 - 4')  - Trạng ngữ là gì? Có mấy loại trạng ngữ? Cho ví dụ?  - Nhận xét giờ học. | - HS khởi động  - HS nêu:  Chủ điểm: Những chủ nhân tương lai.  Bài 1: Út Vịnh.  Bài 2: Những cánh buồm.  Bài 3: Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.  Bài 4: Sang năm con lên bảy.  Bài 5: Lớp học trên đường.  Bài 6: Nếu trái đất thiếu trẻ con.  - Giọng kể chậm rãi, thong thả.  - Giọng thông báo, rõ ràng.  - Giọng kể chuyện nhẹ nhàng, đầy cảm xúc.  - HS chọn trong các bài văn ấy câu văn nào hay, đoạn văn nào hay nhất, thích nhất, đọc.  - HS đọc bài, nêu yêu cầu .  - HS nêu YC  - HS làm VBT, chữa bài.  - Trạng ngữ là thành phần phụ của câu bổ sung ý chỉ thời gian, nơi chốn ... của sự việc trong câu.  - Đầu câu (ngăn cách với câu bằng dấu phẩy) cuối câu hoặc xen giữa chủ ngữ , vị ngữ.  - HS nêu  - HS làm nháp  - HS trình bày (có thể lấy ví dụ cho mỗi loại trạng ngữ).  - HS nêu |

**\* Điều chỉnh sau bài dạy**

…………………………………………………………………………………………………..

**Tiết 4** **LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**Ôn tập cuối học kì II (Tiết 3)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**: Giúp học sinh.

- Kiểm tra lấy điểm Tập đọc, học thuộc lòng (yêu cầu như tiết 1).

- Lập bảng thống kê về tình hình giáo dục ở nước ta và rút ra những nhận xét về tình hình phát triển giáo dục.

**2. Năng lực**: Rèn cho HS mạnh dạn, tự tin, trình bày ý kiến rõ ràng, ngắn gọn trước lớp, biết phối hợp với bạn khi làm việc nhóm, biết lắng nghe bạn đọc và trả lời để cùng chia sẻ, nhận xét, đánh giá bạn.

**3. Phẩm chất**: Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Tiếng Việt.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** TV, MT.

**2. Học sinh:** nháp. VBT.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | | | **Hoạt động của trò** | | |
| **1. Khởi động- kết nối**: (3- 5’)  - GV mở video  - Giới thiệu bài.  **2. Hướng dẫn ôn tập**: (28- 30')  a. Kiểm tra đọc- hiểu: (14 - 15')  \* Bài 1: Ôn tập các bài tập đọc các bài tập đọc, học thuộc lòng từ tuần 19 đến tuần 27. (Với những bài qua các tiết ôn trước HS đọc chưa tốt, GV tổ chức cho HS ôn lại.)  - GV nêu tên các bài, ghi bảng.  \* Ôn văn xuôi :  - GV cho HS ôn lần lượt từng bài.  (GV kết hợp hỏi cách đọc và ND bài.)  - Nhận xét, tư vấn, hỗ trợ HS (nếu có.)  \* Ôn thơ:  - Cho HS viết tên câu thơ hoặc khổ thơ mà em thích nhất rồi đọc.  - Nhận xét, tư vấn, hỗ trợ HS (nếu có.)  b. Luyện tập  \* Bài 2: (14 - 15')  - GV có thể gợi ý cho HS cách lập bảng thống kê như sau :  + Cách 1 : | | | - HS khởi động  + HS mở SGK :  - Đọc đoạn cá nhân (nối tiếp.)  - Đọc đoạn em thích hoặc cả bài.  - Chọn trong các bài văn ấy câu văn nào hay, đoạn văn nào hay nhất, thích nhất, hãy đọc lại .  - HS đọc bài và trả lời câu hỏi do GV nêu.  - HS ghi tên câu thơ hoặc khổ thơ mà em thích nhất rồi đọc.  - HS nhận xét bạn.  - HS đọc, nêu yêu cầu  - HS làm vở nháp, chữa miệng | | |
| Năm học | Số trường | Số học sinh | | Số GV | Tỉ lệ HS dân tộc |
| 2000 - 2001 | 13 589 | 9.741.100 | | 355.900 | 15,2% |
| + Cách 2 : |
| Năm học | 2000 - 2001 | 2001 - 2002 | | 2002 - 2003 | 2003 - 2004 |
| Số trường |  |  | |  |  |
| Số HS |  |  | |  |  |
| Số GV |  |  | |  |  |
| Tỉ lệ HS dân tộc |  |  | |  |  |
| + Nêu tác dụng của bảng thống kê?  \* Bài 3 :  - GV chữa bài, nhận xét.  - Số trường tăng hay giảm?  - Số HS hàng năm tăng hay giảm?  - Số GV hàng năm tăng hay giảm?  - Tỉ lệ HS dân tộc tăng hay giảm?  **3. Củng cố, dặn dò**: (2 - 4’)  - Nhận xét giờ học. | | | - Giúp cho người đọc dễ dàng tìm thấy các số liệu để tính toán, so sánh một cách nhanh chóng, thuận tiện.  - HS đọc bài, nêu yêu cầu  - HS làm bài, chữa miệng  + Tăng (a)  + Giảm (b)  + Lúc tăng lúc giảm (a)  + Tăng (d) | | |

**\* Điều chỉnh sau bài dạy**

…………………………………………………………………………………………………...

**Tiết 5 LỊCH SỬ**

**Ôn tập học kì II**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Kiểm tra kiến thức về lịch sử đã học trong chương trình lớp 5.

**2. Năng lực**: HS mạnh dạn tự tin khi thực hiện nhiệm vụ học tập và trình bày bài làm; tự giải quyết vấn đề nhanh gọn và khoa học, đúng với yêu cầu đề bài.

**3. Phẩm chất**: Rèn luyện phẩm chất tự hào về truyền thống lịch sử nước nhà .

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Đề bài.

**2. Học sinh:** ĐD học tập.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

- GV phát đề- HS tự làm

**A. Đề bài (5 điểm)**

**Câu 1.** Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng: (1điểm)

Nhà máy Thủy điện Hòa Bình được chính thức khởi công xây dựng vào ngày, tháng, năm nào?

A. Ngày 30/ 12/ 1988. B. Ngày 6/ 11/ 1979.

C. Ngày 16/ 11/ 1979. D. Ngày 04/ 4/ 1994.

**Câu 2.** Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng: (1điểm)

Năm 1959, Trung ương Đảng mở đường Trường Sơn nhằm mục đích:

A. Phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

B. Mở mang giao thông miền núi.

C. Tạo điều kiện cho miền Bắc chi viện cho chiến trường miền Nam.

**Câu 3.** Điền từ thích hợp vào chỗ chấm (1 điểm)

Ngày 27/1/1973, tại Pa- ri đã diễn ra lễ kí Hiệp định về ……………………… chiến tranh, lập lại ………………………….ở Việt Nam. Đế quốc Mĩ buộc phải rút quân khỏi Việt Nam

**Câu 4.** Quốc hội khóa VI có những quyết định trọng đại gì ? (1điểm)

………………………………………………………………………………….….

……………………………………………………………………………….….…

**Câu 5.** Nêu ý nghĩa của chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (1điểm)

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

**B. Đáp án (5 ĐIỂM)**

**Câu 1: B** (1 điểm)

**Câu 2: C** (1điểm)

**Câu 3:** (1 điểm)

Ngày 27/1/1973, tại Pa- ri đã diễn ra lễ kí Hiệp định về **kết thúc** chiến tranh, lập lại **hòa bình** ở Việt Nam. Đế quốc Mĩ buộc phải rút quân khỏi Việt Nam

**Câu 2:** Quốc hội khóa VI có những quyết định trọng đại gì?(1điểm)

- Quốc hội quyết định: lấy tên nước là Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; quyết định Quốc huy; Quốc kì là lá cờ đỏ sao vàng; Quốc ca là bài Tiến quân ca ; Thủ đô là Hà Nội; thành phố Sài Gòn - Gia Định đổi tên là Thành phố Hồ Chí Minh.

**Câu 5:** (1 điểm)

Ý nghĩa của chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ: là mốc son chói lọi, góp phần kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

**Tiết 6 TIẾNG VIỆT (BS)**

**Luyện Tiếng việt**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức kĩ năng:** Củng cố cho học sinh về cách dùng các loại dấu câu.

**2. Năng lực:** HS mạnh dạn tự tin khi thực hiện nhiệm vụ học tập và trình bày ý kiến; tự giải quyết vấn đề nhanh gọn và khoa học, đúng với yêu cầu đề bài.

**3. Phẩm chất** : Yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** TV, MT.

**2. Học sinh:** Nháp, bảng con.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - GV mở video  - Giới thiệu bài:  **2. Luyện tập**  **Bài 1.** Đoạn văn sau thiếu 6 dấu phẩy, em hãy đánh dấu phẩy vào những chỗ cần thiết:  Ngay giữa sân trường sừng sững một cây bàng.  Mùa đông cây vươn dài những cành khẳng khiu trụi lá. Xuân sang cành trên cành dưới chi chít những lộc non mơn mởn. Hè về những tán lá xanh um che mát một khoảng sân trường. Thu đến từng chùm quả chín vàng trong kẽ lá.  - Gọi HS trình bày  - Nhận xét, chốt.  **Bài 2.** Điền đúng các dấu câu vào chỗ trống cho thích hợp.  Đầm sen  Đầm sen ở ven làng  Lá sen màu xanh mát  Lá cao  lá thấp chen nhau  phủ khắp mặt đầm   Hoa sen đua nhau vươn cao  Khi nở  cánh hoa đỏ nhạt xòe ra  phô đài sen và nhị vàng  Hương sen thơm ngan ngát  thanh khiết  Đài sen khi già thì dẹt lại  xanh thẫm   Suốt mùa sen  sáng sáng lại có những người ngồi trên thuyền nan rẽ lá  hái hoa   - Gọi HS trình bày  - Nhận xét, chốt.  **Bài 3.**  a) Đặt câu có dấu phẩy ở bộ phận CN  b) Đặt câu có dấu phẩy ở bộ phận VN  c) Đặt câu có dấu phẩy giữa trạng ngữ và cụm chủ - vị.  d) Đặt câu có dấu phẩy ở giữa hai vế câu ghép  - GV nhận xét chữa bài, chốt.  **3. Củng cố- dặn dò** (2- 3’)  - Nhận xét tiết học.  - Nhắc nhở học sinh chuẩn bị bài | - HS khởi động  - Lắng nghe.  - HS đọc bài, xác định yêu cầu  - HS làm bài. Đáp án  Ngay giữa sân trường, sừng sững một cây bàng.  Mùa đông, cây vươn dài những cành khẳng khiu, trụi lá. Xuân sang, cành trên cành dưới chi chít những lộc non mơn mởn. Hè về, những tán lá xanh um che mát một khoảng sân trường. Thu đến, từng chùm quả chín vàng trong kẽ lá.  - HS trình bày  - HS đọc bài, xác định yêu cầu  - HS làm bài  - Đáp án Đầm sen  Đầm sen ở ven làng. Lá sen màu xanh mát. Lá cao, lá thấp chen nhau, phủ khắp mặt đầm.  Hoa sen đua nhau vươn cao. Khi nở, cánh hoa đỏ nhạt xòe ra, phô đài sen và nhị vàng. Hương sen thơm ngan ngát, thanh khiết. Đài sen khi già thì dẹt lại, xanh thẫm.  Suốt mùa sen, sáng sáng lại có những người ngồi trên thuyền nan rẽ lá, hái hoa.  - HS trình bày  - Nhận xét  - HS đọc bài, xác định yêu cầu  - HS làm bài nhóm đôi  - Các nhóm trình bày, nhận xét, sửa bài. |

**Tiết 7**  **THỂ DỤC**

**Tổng kết môn học**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**: Giúp học sinh.

- Tổng kết môn học, hệ thống lại những kiến thức kĩ năng cơ bản đã học trong năm. Đánh giá được sự cố gắng và những điểm còn hạn chế kết hợp có tuyên dương khen thưởng những HS xuất sắc

**2. Năng lực:** Rèn luyện năng lực hoạt động độc lập, hợp tác trong nhóm, mạnh dạn, tự tin trước tập thể.

**3. Phẩm chất**: HS có ý thức tập luyện TDTT để rèn luyện sức khỏe.

**II. ĐỊA ĐIỂM, PH­­ƯƠNG TIỆN**

- Địa điểm: Trên sân cỏ. Vệ sinh nơi tập

- Phư­­ơng tiện: còi

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung và phương pháp** | **Đ.lượng** | **Đội hình đội ngũ** |
| **1. Phần mở đầu**:  - Lớp tr­ưởng tập hợp lớp, điểm số báo cáo  - GV phổ biến nhiệm vụ, yêu cầu bài học.  - Lớp chạy chậm theo đội hình tự nhiên quanh sân tập 120 -150m sau đó xoay các khớp cổ chân, cổ tay, khớp gối.  - Ôn các động tác tay, chân, vặn mình, toàn thân, thăng bằng và nhảy của bài thể dục phát triển chung.  **2. Phần cơ bản**:  - Hệ thống lại nội dung đã học trong năm theo từng chương.  + GV nêu câu hỏi cho HS nêu lại các nội dung đã học.  + Cho HS thực hành lại 1 vài động tác cơ bản theo từng nội dung  - Đánh giá kết quả học tập, tinh thần thái độ của HS trong cả năm.  - Tuyên dương tổ, cá nhân có thành tích xuất sắc.  **3. Phần kết thúc**:  - Cho HS hát 1 bài.  - Cho HS chơi trò chơi : Nhảy cóc.  - Dặn dò HS tự luyện tập trong hè các nội dung đã học. Chú ý đảm bảo an toàn trong luyện tập | 6 -10’  18- 22’  4 - 6’ | 🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹  🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹 |

**Thứ Tư ngày 15 tháng 5 năm 2024**

**Tiết 1**  **TOÁN**

**Làm quen với xác suất**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Kiểm đếm được số lần lặp lại của một khả năng xảy ra (nhiều lần) của một sự kiện khi thực hiện (nhiều lần).

- HS làm được thí nghiệm, trò chơi đơn giản (ví dụ: trong một vài trò chơi như tung đồng xu, lấy bóng từ hộp kín,…)

**2. Năng lực**: Rèn luyện tính cẩn thận, năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học, nặng lực sử dụng công cụ, phương tiện toán học.

**3. Phẩm chất**: Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Toán.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. GV**: đồng xu, 1 thùng giấy, số bóng màu (BT2)

**2. HS**: Bút, giấy, thước kẻ, compa, bảng thống kê, biểu đồ thống kê.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động, kết nối:** (3- 5’)  - GV cho HS chơi trò chơi: “Tập tầm vông” để trả lời các câu hỏi sau:  + Đồ vật nằm trong tay nào?  - Bạn Lớp trưởng lên tổ chức trò chơi.  - HS, GV nhận xét câu trả lời của HS  - Giới thiệu bài:  **2. Khám phá** (9- 10’) Làm quen với phép thử nghiệm, sự kiện. | - HS chơi trò chơi, trả lời các câu hỏi của bạn lớp trưởng.  - HS nhận xét, đánh giá bạn |
| VD: 1 HS lên thực hiện tung đồng xu  + GV cho 1 HS lên tung đồng xu 1000 đồng 5 lần.  - GV cho HS kiểm đếm số lần mặt 1000 đồng xuất hiện?  - GV cho HS kiểm đếm số lần mặt hình quốc huy xuất hiện?  - 1 HS lên bảng ghi số lần kiểm đếm?  - GV nêu câu hỏi mở rộng:  + Theo em thì nếu tung đồng xu 5 lần, thì số lần lớn nhất có thể xuất hiện mặt 1000 đồng là bao nhiêu? Số lần lớn nhất có thể xuất hiện mặt quốc huy là bao nhiêu?  + Theo em số lần ít nhất có thể xuất hiện mặt 1000 đồng là bao nhiêu? Số lần ít nhất có thể xuất hiện mặt quốc huy là bao nhiêu?  - GV yêu cầu HS giải thích, nhận xét  - GV chốt nội dung | - 1 HS lên thực hiện tung đồng xu.  - HS khác quan sát và trả lời câu hỏi.  - HS kiểm đếm.  - Số lần lớn nhất có thể xuất hiện mặt 1000 đồng là 5 lần. Số lần lớn nhất có thể xuất hiện mặt quốc huy là 5 lần.  - Theo em số lần ít nhất có thể xuất hiện mặt 1000 đồng là 0 lần. Số lần ít nhất có thể xuất hiện mặt quốc huy 0 lần. |
| **3. Thực hành** (18- 20’)  **Bài 1:** Một bạn HS chơi trò ném bóng vào rổ. Bạn thực hiện ném 10 lần.Theo em bạn có thể ném trúng nhiều nhất bao nhiêu lần? Bạn có thể ném trượt nhiều nhất bao nhiêu lần?  - GV cho HS đọc yêu cầu bài tập.  - GV cho HS suy nghĩ và trả lời  - GV yêu cầu HS trả lời:  - HS, GV nhận xét, củng cố về phép thực nghiệm.  **Bài 2:** Một hộp cát tông kín, bên trong có đựng 4 quả bóng xanh, 3 quả bóng đỏ. Bạn Nam thực hiện lấy ra 5 quả bóng. Theo em số bóng mà bạn An lấy ra có thể là gồm những quả bóng màu gì?  - GV cho HS đọc, phân tích bài toán.  - Yêu cầu HS suy nghĩ thảo luận theo nhóm 4.  - Yêu cầu HS trình bày.  - GV chốt kết quả.  - Củng cố các khả năng có thể xảy ra của 1 thực nghiệm  **4. Vận dụng** (3- 5’)  - Yêu cầu HS về thực hành lại các ví dụ để kiểm chứng các thực nghiệm?  **5. Hoạt động tiếp nối** (1- 2’)  - GV nhận xét tiết học, dặn dò HS. | - HS đọc yêu cầu bài tập  - HS phân tích bài tập  - Bạn có thể ném trúng cả 10 lần hoặc bạn có thể ném trượt cả 10 lần.  - HS đọc đề bài, phân tích bài toán.  - HS trình bày theo nhóm  + Có thể gồm 4 bóng xanh+ 1 đỏ.  + 3 xanh + 2 đỏ  + 2 xanh + 3 đỏ.  ……….  - HS lắng nghe  - HS thực hành ở nhà  - Ghi nhớ. |

**\* Điều chỉnh sau bài dạy**

…………………………………………………………………………………………………...

**Tiết 2**  **KỂ CHUYỆN**

**Ôn tập cuối học kì II (Tiết 4)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**: Giúp học sinh.

- Thực hành kĩ năng lập biên bản cuộc họp qua bài "Cuộc họp của chữ viết".

**2 Năng lực**: Rèn cho HS mạnh dạn, tự tin khi thực hiện nhiệm vụ học tập. Biết vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập; tự giải quyết vấn đề nhanh gọn và khoa học, đúng với yêu cầu đề bài

**3. Phẩm chất**: Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Tiếng Việt.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** TV, MT.

**2. Học sinh:** VBT.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** |
| **1. Khởi động- kết nối**: (1- 2')  - GV mở video  - Giới thiệu bài:  **2. Thực hành lập biên bản**: (34- 35')  - Gọi HS đọc bài: Cuộc họp của chữ viết.  - Bài yêu cầu gì?  + Các chữ cái và dấu câu họp bàn việc gì?  + Cuộc họp đã đề ra cách gì để giúp đỡ bạn Hoàng?  + Biên bản là gì?  + Nội dung của biên bản gồm những gì. Mỗi phần cần ghi gì?  - Cho HS làm bài.  - Gọi HS trình bày, nhận xét, chốt lại lời giải đúng.  (GV đưa lên MH)  + Trong các phần của biên bản phần nào không thể thiếu?  **3. Củng cố, dặn dò**: (2 - 4')  - Nhận xét giờ học. | - HS khởi động  - HS đọc  - Viết biên bản về cuộc họp ấy.  - Họp bàn về việc giúp đỡ bạn Hoàng vì bạn không viết đúng dấu câu nên đã viết câu rất kì quặc.  - Giao cho anh dấu chấm yêu cầu Hoàng đọc lại câu văn vào mỗi khi Hoàng định chấm câu.  - Là 1 văn bản ghi lại nội dung một cuộc họp hoặc 1 sự việc diễn ra. - Phần mở đầu: Ghi quốc hiệu, tiêu ngữ, tên biên bản.  + Phần chính: Ghi thời gian, địa điểm, thành phần có mặt, nội dung sự việc diễn ra.  + Phần kết thúc: Ghi tên, chữ kí của chủ toạ và người lập biên bản hoặc nhân chứng.  - HS làm vở BT.  - HS trình bày, nhận xét xem biên bản bạn viết đã đủ các phần chưa, đã đúng với yêu cầu của bài chưa?  - HS nêu |

**\* Điều chỉnh sau bài dạy**

…………………………………………………………………………………………………...

**Tiết 4**  **TẬP ĐỌC**

**Ôn tập cuối học kì II (Tiết 5)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**: Giúp học sinh.

- Kiểm tra lấy điểm đọc- hiểu (như tiết 1).

- Hiểu nội dung bài thơ "Trẻ em ở Sơn Mĩ"; cảm nhận được vẻ đẹp của những chi tiết hình ảnh sống động của bài thơ.

**2. Năng lực**: Rèn cho HS mạnh dạn, tự tin khi thực hiện nhiệm vụ học tập và trình bày ý kiến ; tích cực hoạt động và hợp tác với bạn trong nhóm. Biết vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập; tự giải quyết vấn đề nhanh gọn và khoa học, đúng với yêu cầu đề bài

**3. Phẩm chấ**t: Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Tiếng Việt.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên:** TV, MT.

**2. Học sinh:** VBT.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** |
| **1. Khởi động - kết nối**: (1 - 2')  - GV mở video  - Giới thiệu bài:  **2. Hướng dẫn ôn tập**: (30 - 32')  a. Kiểm tra đọc (14- 16')  \* Bài 1: Ôn tập các bài tập đọc các bài tập đọc, học thuộc lòng từ tuần 19 đến tuần 27. (Với những bài qua các tiết ôn trước HS đọc chưa tốt, GV tổ chức cho HS ôn lại.)  GV nêu tên các bài.  \* Ôn văn xuôi :  - GV cho HS ôn lần lượt từng bài.  (GV kết hợp hỏi cách đọc và nội dung bài.)  - Nhận xét, tư vấn, hỗ trợ HS (nếu có.)  \* Ôn thơ:  - Cho viết tên câu thơ hoặc khổ thơ mà em thích nhất rồi đọc.  - Nhận xét, tư vấn, hỗ trợ HS (nếu có.)  b. Luyện tập: (14 - 16’)  \* Bài 2 :  - Bài yêu cầu gì?  + Bài thơ gợi ra những hình ảnh rất sống động về trẻ em. Hãy miêu tả một hình ảnh mà em thích?  + Tác giả tả buổi chiều tối và ban đêm ở vùng quê ven biển bằng những cảm nhận của những giác quan nào?  Hãy nêu 1 hình ảnh hoặc chi tiết mà em thích trong bức tranh phong cảnh ấy.  => GV tổng kết: Để tả bài văn tả cảnh hay sinh động tác giả phải sử dụng phối hợp nhiều giác quan: thị giác (mắt), thính giác (tai), khứu giác (mũi) và bằng cảm nhận của giác quan.  **3. Củng cố, dặn dò**: (2- 4')  - Nhận xét chung giờ học. | - HS khởi động  + HS mở SGK, làm VBT:  - Đọc đoạn cá nhân (nối tiếp.)  - Đọc đoạn em thích hoặc cả bài.  - Chọn trong các bài văn ấy câu văn nào hay, đoạn văn nào hay nhất, thích nhất, hãy đọc lại cho cả lớp nghe.  - HS đọc bài và trả lời câu hỏi do GV nêu.  - HS ghi tên câu thơ hoặc khổ thơ mà em thích nhất rồi đọc.  - HS đọc bài, nêu yêu cầu  - Đọc bài thơ và trả lời câu hỏi  - HS nêu: Em thích hình ảnh "Tuổi thơ đứa bé da nâu ... ăn cá với chuồn" Những ngày em cùng ba mẹ đi nghỉ mát ở biển. Em đã gặp những bạn nhỏ đi chăn bò.  + Mắt (thấy hoa xương rồng đỏ chói, những con bò nhai cỏ, những đứa bé da nâu, tóc khét nắng màu râu bắp, cơm với cá chồn, thấy chim bay giữa vầng mây như đám cháy, võng dứa đưa sóng, những ngọn đèn tắt vội giữa màn sao )  + Tai (nghe tiếng hát của những đứa bé thả bò, nghe thấy lời ru, tiếng đập đuôi của những con bò nhai cỏ.)  + Mũi (ngửi thấy mùi rơm nồng len lỏi giữa những cơn mơ). |

**\* Điều chỉnh sau bài dạy**

…………………………………………………………………………………………………...

**Tiết 5**   **KĨ THUẬT**

**Lắp ghép mô hình tự chọn (T. 3)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức kĩ năng**

- Lắp đ­ược mô hình đã chọn.

- Tự hào về mô hình mình đã tự lắp đ­ược.

**2. Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mĩ, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.

**3. Phẩm chất:** Giáo dục tính cẩn thận, tỉ mỉ và kiên trì cho học sinh. Yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. GV**: Lắp sẵn 1 trong 2 mô hình đã gợi ý trong SGK. TV, MT.

**2. HS:** Bộ lắp ghép mô hình kĩ thuật.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - GV mở video  - Giới thiệu bài:  **2. Hình thành kiến thức**  a, HĐ1:HS thực hành (23- 25’)  - GV cho nhóm HS lắp ghép theo gợi ý trong SGK.  - GV cung cấp thêm cho HS một số mô hình ngoài SGK đã cung cấp  - GV yêu cầu HS quan sát và nghiên cứu kĩ mô hình và hình vẽ trong SGK hoặc hình vẽ tự s­ưu tầm .  - GV gợi ý HS quan sát kĩ từng bộ phận của mỗi mô hình, các chi tiết cần để lắp ghép mô hình đó.  b, HĐ 2: Nhận xét, đánh giá (3- 5’)  - GV nhận xét sự chuẩn bị của HS, tinh thần thái độ học tập .  - GV nhắc HS suy nghĩ cách lắp các mô hình đã lựa chọn.  **3. Củng cố**, **dặn dò**: (1 - 2’)  - GV nhận xét sự chuẩn bị của HS, tinh thần thái độ học tập và kĩ năng lắp ghép. | - HS khởi động  - HS lắp ghép  - HS quan sát, theo dõi.  - HS quan sát và nghiên cứu mô hình, hình vẽ đã s­ưu tầm đ­ược.  - HS quan sát.  - HS theo dõi.  - HS theo dõi  - HS nghe |

**\* Điều chỉnh sau bài dạy**

…………………………………………………………………………………………………..

**Tiết 6**  **TOÁN (BS)**

**Luyện toán**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức kĩ năng:** Giúp học sinh.

- Củng cố về cách tính vận tốc 2 chuyển động ngược chiều , tính thời gian 2 xe đuổi kịp nhau,tính diện tích hình thang.

- HS vận dụng làm tốt các bài tập trong vở bài tập toán.

**2. Năng lực:** HS tích cực chủ động vận dụng kiến thức về cách tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần, thể tích của hình hộp chữ nhật, hình lập phương vào làm tính và giải toán nhanh, chính xác, cách trình bày gọn gàng, khoa học.

**3. Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Toán.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Phấn màu, TV, MT.

**2. Học sinh:** Bảng con, nháp.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** |
| **1. Khởi động kết nối** (3 - 5’).  - GV mở video  - GV nêu yêu cầu giờ học  - Giới thiệu bài:  **2. Luyện tập**: (32- 34’)  Bài 3/ 172 (Trên )  + Bài hỏi gì?  - GV chữa bài  Bài 2/172  + Bài hỏi gì?  - Chữa bài, nhận xét  => Em làm thế nào tính được chiều cao và độ dài mỗi đáy của hình thang?  - Nêu công thức tìm chiều cao, công thức tìm tổng 2 đáy hình thang?  d. Bài 4/ 175  - GV chấm, chữa bài.  - Nêu cách làm bài?  + Tìm thời gian trong chuyển động cùng chiều ta làm thế nào?  **3. Củng cố dặn dò** (1- 2’)  - Em được ôn tập kiến thức gì qua bài học hôm nay?  - Nhận xét giờ học | - HS khởi động  - HS đọc bài  - Tính vận tốc của mỗi xe.  - HS làm nháp.  \* Dự kiến tình huống chia sẻ của HS:  + Bạn có thể trình bày lại bài làm?  + Bạn làm thế nào để tìm được vận tốc ô tô đi từ A là 36km/ giờ; Vận tốc ô tô đi từ B là 54km/ giờ?  + Nêu cách tìm vận tốc trong chuyển động ngược chiều?  + Để làm bài này bạn đã vận dụng KT nào?  - HS đọc bài  - Tìm chiều cao, độ dài mỗi đáy  - HS làm vở nháp, chữa miệng  - HS nêu  h = S x 2 : (a + b)  ( a + b ) = S x 2 : h  - HS đọc bài, nêu yêu cầu.  - HS làm bài, chữa chung.  - HS nêu.  - HS nêu. |

**Tiết 7 TIẾNG VIỆT (TH)**

**Ôn tập**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- HS ôn tập Tiếng Việt ở phân môn mà HS chưa hoàn thiện

**2. Năng lực**: Tự xác định phân môn chưa hoàn thành trong tuần đã học để làm bổ sung.

**3. Phẩm chất**: Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Tiếng Việt.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**: Phấn màu, TV, MT.

**2. Học sinh:** VBT.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - GV mở video  + Em hãy nêu các bài học của tuần này?  - Giới thiệu bài:  **2. Ôn tập**: (32- 34’)  - GV cho HS mở SGK, Vở bài tập TV.  - Yêu cầu HS tự làm bài nào còn thiếu của tuần 33. Nếu HS đã hoàn thiện thì tự đọc thầm các bài tập đọc đã học  - GV quan sát giúp đỡ.  **3. Củng cố**, **dặn dò**: (2- 4’)  - GV liên hệ…  - Về nhà học bài, chuẩn bị bài sau | - HS khởi động  - HS nêu  - HS lấy SGK, VBT để làm.  - HS làm bài. |

**Thứ Năm ngày 16 tháng 5 năm 2024**

**Tiết 1**  **TOÁN**

**Làm quen với xác suất**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Sử dụng được tỉ số để mô tả số lần lặp lại của một khả năng xảy ra (nhiều lần) của một sự kiện trong một thí nghiệm so với tổng số lần thực hiện thí nghiệm đó ở những trường hợp đơn giản.

- HS làm được thí nghiệm, trò chơi đơn giản (ví dụ: trong một vài trò chơi như tung đồng xu, lấy bóng từ hộp kín,…)

**2. Năng lực**: Rèn luyện tính cẩn thận, năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học, nặng lực sử dụng công cụ, phương tiện toán học.

**3. Phẩm chất**: Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Toán.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC**

**1. Giáo viên:** Phấn màu,TV, MT.

**2. Học sinh:** bảng con, nháp. VBT.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** |
| **1. Khởi động, kết nối:** (3- 5’)  - GV cho HS chơi trò chơi: “Tập tầm vông” để trả lời các câu hỏi sau:  + Đồ vật nằm trong tay nào?  - Bạn Lớp trưởng lên tổ chức trò chơi.  - HS, GV nhận xét câu trả lời của HS  - Giới thiệu bài:  **2. Thực hành** (28- 30’)  **Bài 1:** Trong trò chơi ném bóng trúng đích, bạn An ném bóng 10 lần thì có 7 lần trúng đích. Hãy lập tỉ số số lần bóng trúng đích và không trúng đích so với tổng số lần ném.  - GV yêu cầu HS đọc đề bài, phân tích bài toán  - Nêu cách lập tỉ số.  - Yêu cầu HS lập tỉ số.  - 1 HS lên bảng làm bài  - GV chốt cách lập tỉ số.  **Bài 2:** Trong trận bóng đã giữa hai đội 5A và 5B. Các cầu thủ đội 5A đã sút bóng về cầu môn 5B 15 lần nhưng cuối trận đấu tỉ số là 3- 0 nghiêng về đội 5A. Hãy lập tỉ số số lần sút bóng không trúng của các cầu thủ 5A so với tổng số lần sút bóng của đội đó?  - GV cho HS đọc, phân tích bài toán.  - Yêu cầu HS suy nghĩ thảo luận theo nhóm 4.  - Yêu cầu HS trình bày.  - GV chốt kết quả.  - Củng cố cách lập tỉ số trong một thực nghiệm  **4. Vận dụng** (4- 5’)  - Yêu cầu HS lập tỉ số số tiết học toán so với tổng số tiết học của em trong một tuần?  **5. Hoạt động tiếp nối** (1- 2’)  - GV nhận xét tiết học, dặn dò HS. | - HS chơi TC, trả lời các câu hỏi của bạn lớp trưởng.  - HS nhận xét, đánh giá bạn  - 1 HS đọc bài toán  - HS lập tỉ số: 7/10  - HS đọc yêu cầu bài tập  - HS phân tích bài tập  - HS nêu cách lập tỉ số:  + Tìm số lần sút bóng không trúng đích của đội 5A.  + Lập tỉ số 12: 15 =12/15= 4/5  - HS thực hiện yêu cầu |

**\* Điều chỉnh sau bài dạy**

…………………………………………………………………………………………………

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Tiết 2** **TẬP LÀM VĂN**

**Ôn tập cuối học kì II (Tiết 6)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức kĩ năng:** Giúp học sinh.

- Viết đúng chính tả 11 dòng thơ đầu của bài thơ “Trẻ con ở Sơn Mỹ”.

- Thực hành viết đoạn văn tả cảnh theo đề bài cho sẵn.

**2. Năng lực**: Rèn cho HS tính cẩn thận khi đặt bút, có ý thức giữ vở sạch, viết chữ đẹp.

**3. Phẩm chất**: Giáo dục HS có ý thức yêu quý ông bà, cha mẹ và những người thân trong gia đình.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** TV, MT.

**2. Học sinh:** nháp.VBT.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** |
| **1.Khởi động - kết nối**: (1 - 2’)  - GV mở video  - Giới thiệu bài:  **2. Hướng dẫn ôn tập**: (30 - 32’)  a. Bài 1: Viết chính tả (13- 15’)  - GV đọc mẫu bài viết 1 lần.  - Nội dung của đoạn thơ là gì?  - Trong bài có từ nào khó viết?  - GV viết từ khó yêu cầu HS phân tích:  bết, nín bặt, xay lúa, chân trời  - Các tiếng còn lại tiến hành tương tự  - Đọc cho HS viết tiếng khó  - Bài viết ở thể loại nào, nêu cách trình bày bài?  - Nhắc nhở HS trước khi viết bài.  - Thực hiện tư thế ngồi viết đúng.  - Đọc cho HS viết bài vào vở.  - Đọc cho HS soát bài, soát lỗi.  b. Hướng dẫn làm bài tập (15- 17’)  \* Bài 2:  - Bài yêu cầu gì?  - GV gợi ý HS viết đoạn văn ngắn không chỉ dựa vào hiểu biết của mình mà cần dựa vào những hình ảnh gợi ra từ bài “Trẻ con ở Sơn Mỹ”, đưa những hình ảnh thơ đó vào đoạn văn.  - Gọi HS trình bày bài.  => GV đánh giá chung, tổng kết.  **3. Củng cố, dặn dò**: (2 - 4’) - Nhận xét giờ học. | - HS khởi động  - HS mở SGK đọc thầm theo.  - Đoạn thơ là những hình ảnh sống động về các em nhỏ đang chơi đùa trên bãi biển.  - HS tìm từ khó viết.  \* Dự kiến HS tìm được các từ khó:  bết, nín bặt, xay lúa, chân trời  - HS đọc lại và phân tích từ khó.  + bết = b + êt + thanh sắc  - HS viết nháp.  - HS nêu.  - HS ngồi viết đúng tư thế  - HS viết bài vào vở.  - HS soát bài soát lỗi, báo lỗi, chữa lỗi  - HS đọc, xác định yêu cầu của đề bài.  - Dựa vào hiểu biết và những hình ảnh được gơị ra từ bài “ Trẻ con ở Sơn Mỹ” viết một đoạn văn khoảng 5 câu theo một trong các đề bài sau:  + Tả một đám trẻ con đang chơi đùa hoặc đang chăn trâu, chăn bò.  + Tả một buổi chiều tối hoặc một đêm yên tĩnh ở vùng biển hoặc ở một vùng quê.  - HS viết đoạn văn vào vở BT.  - HS trình bày đoạn văn của mình .  - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. |

**\* Điều chỉnh sau bài dạy**

…………………………………………………………………………………………………

**Tiết 4 LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**Kiểm tra định kì cuối học kì II (Tiết 7)**

(Đọc)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**: Giúp học sinh.

- Kiểm tra kĩ năng đọc hiểu văn bản bằng cách trả lời câu hỏi trắc nghiệm về nội dung bài luyện tập: Cây gạo ngoài bến sông.

**2. Năng lực**: Rèn cho HS mạnh dạn, tự tin khi thực hiện nhiệm vụ học tập. Biết vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập; tự giải quyết vấn đề nhanh gọn và khoa học, đúng với yêu cầu đề bài

**3. Phẩm chất**: Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Tiếng Việt.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** TV, MT.

**2. Học sinh:** Nháp, bảng con.VBT.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** |
| **1. Khởi động - kết nối**: (1- 2’)  - GV mở video  - Giới thiệu bài:  **2. Kiểm tra**: (37- 38’)  - YC HS đọc bài: Cây gạo ngoài bến sông  - Gọi HS đọc yêu cầu phần b  - Hướng dẫn HS đọc kĩ các câu hỏi, chọn và khoanh vào đáp án đúng.  - GV chữa bài. đưa đáp án đúng lên MH  => GV tổng kết.  **3. Củng cố, dặn dò**: (1- 2’)  - Nhận xét giờ học. | - HS khởi động  - 2 HS đọc, lớp đọc thầm  - HS đọc.  - HS làm bài trong VBT, chữa miệng.  1a; 2b; 3c; 4c; 5b  6b; 7b; 8a; 9a; 10c |

**\* Điều chỉnh sau bài dạy**

…………………………………………………………………………………………………...

**Tiết 5 ĐỊA LÍ**

**Kiểm tra định kì học kì II**

(Lịch sử - Địa lí)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Kiểm tra kiến thức về địa lí đã học trong chương trình lớp 5.

**2. Năng lực**: HS mạnh dạn tự tin khi thực hiện nhiệm vụ học tập và trình bày bài làm; tự giải quyết vấn đề nhanh gọn và khoa học, đúng với yêu cầu đề bài.

**3. Phẩm chất**: Rèn luyện phẩm chất tự hào và yêu quý khám phá về phần địa lí.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Đề bài.

**2. Học sinh:** ĐD học tập.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

- GV phát đề- HS tự làm

**1. Đề bài**

**I. PHẦN ĐỊA LÍ (5 ĐIỂM)**

**Câu 1.** Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng: (1điểm)

Hoang mạc Xa- ha- ra thuộc châu lục nào?

A. Châu Phi B. Châu Mĩ

C. Châu Đại Dương D. Châu Âu

**Câu 2.** Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng: (1điểm)

Châu lục nào có số dân đông nhất thế giới:

A. Châu Âu B. Châu Á

C. Châu Phi D. Châu Mĩ

**Câu 3.** Vì sao khu vực Đông Nam Á lại sản xuất được nhiều lúa gạo? (1điểm)……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

**Câu 4.** Trên trái đất có mấy đại dương ? Đó là những đại dương nào? (1điểm)

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Câu 5.** Nêu đặc điểm địa hình Châu Mĩ? (1điểm)

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**ĐÁP ÁN : (5 ĐIỂM)**

**Câu 1: A** (1 điểm)

**Câu 2: B** (1 điểm)

**Câu 3:** (1 điểm)Khu vực Đông Nam Á lại sản xuất được nhiều lúa gạo vì: đất đai màu mỡ, khí hậu nóng ẩm.

**Câu 4:** (1 điểm)Trên trái đất có 4 đại dương. Đó là: Thái Bình Dương, Đại Tây Dương, Ấn Độ Dương và Bắc Băng Dương.

**Câu 5:** (1 điểm) Địa hình châu Mĩ thay đổi từ tây sang đông: dọc bờ biển phía tây là các dãy núi cao và đồ sộ, ở giữa là những đồng bằng lớn. (0,5 điểm)

- Phía đông là các dãy núi thấp và cao nguyên. (0,5 điểm)

**3. Thu bài**

**\* Điều chỉnh sau bài dạy**

…………………………………………………………………………………………………...

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Tiết 6** **TIẾNG VIỆT (BS)**

**Luyện Tiếng Việt**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức kĩ năng**: Giúp học sinh.

- Nắm được tác dụng của dấu 2 chấm.

- Điền được dấu hai chấm vào chỗ thích hợp trong đoạn văn.

- Có ý thức dùng đúng dấu câu trong nói và viết.

- Viết được bài văn tả cảnh đẹp gây ấn tượng sâu sắc đối với em.

- Vận dụng làm đúng các bài tập trong vở ôn luyện tiếng Việt theo chuẩn kiến thức kĩ năng.

**2. Năng lực:** Rèn cho HS mạnh dạn, tự tin khi thực hiện nhiệm vụ học tập và trình bày ý kiến. Biết vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập; tự giải quyết vấn đề nhanh gọn và khoa học, đúng với yêu cầu đề bài

**3. Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Tiếng Việt.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. GV:** TV, MT.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** |
| **1. Khởi động- Kết nối** (3- 5’)  - GV mở video  - Giới thiệu bài:  **2. Hướng dẫn luyện tập**: (32-34’)  a. Luyện từ và câu  \* Bài 1/140 (Dành cho HS cả lớp)  - GV chấm, chữa bài  => Nêu tác dụng của dấu hai chấm được dùng trong bài?  - Khi dấu hai chấm có tác dụng dẫn lời nói trực tiếp của nhân vật thì được dùng kèm với dấu câu nào?  \* Bài 2/140 (Dành cho HS cả lớp)  - GV chấm, chữa bài  - Theo em vì sao dấu hai chấm sau tiếng “Tuấn, tóc” được dùng sai?  - Khi dùng sai dấu câu sẽ có tác hại gì?  - Nêu tác dụng của dấu hai chấm  \* Bài thêm: (Dành cho HS tiếp thu nhanh) Đặt 2 câu có sử dụng dấu hai chấm có tác dụng dẫn lời nói tực tiếp của nhân vật, báo hiệu bộ phận đứng sau là lời giải thích cho bộ phận đứng trước.  - Với mỗi tác dụng trên chữ cái của tiếng tiếp theo sau dấu hai chấm được viết thế nào?  - Khi đặt câu em cần lưu ý gì?  => Nêu vị trí, tác dụng của dấu hai chấm?  b.Tập làm văn  \* Bài 2/141(Dành cho HS cả lớp)  - Bài yêu cầu gì?  - Cho HS làm bài, GV bao quát, giúp đỡ HS lưu ý HS dựa vào gợi ý trong vở bài tập để làm bài.  - Gọi HS trình bày bài, nhận xét  => Để viết được bài văn tả cảnh hay người viết cần làm gì?  - Nêu dàn ý chung của bài văn tả cảnh?  **3. Củng cố**, **dặn dò**: (2- 4’)  - Nêu tác dụng của dấu hai chấm?  - Nêu cấu tạo của bài văn tả cảnh?  - Nhận xét giờ học. | - HS khởi động  - HS đọc bài, xác định yêu cầu.  - HS làm bài, chữa miệng.  - HS nêu  - Dùng kèm với dấu gạch ngang hoặc dấu ngoặc kép  - HS đọc xác định yêu cầu.  - HS làm vở ôn luyện, chữa miệng.  - Các dấu hai chấm đều dùng không cần thiết vì đều gây ra cảm giác liệt kê lạnh lùng nhàm chán  - HS nêu  - HS đọc bài xác định yêu cầu.  - HS làm vở nháp, chữa miệng  - Dấu hai chấm có tác dụng báo hiệu bộ phận đứng sau là lời giải thích cho bộ phận đứng trước thì chữ cái của tiếng tiếp theo sau dấu hai chấm không viết hoa  - HS nêu  - HS đọc bài xác định yêu cầu  - Viết đoạn văn tả cảnh đẹp gây ấn tượng sâu sắc đối với em  - HS làm bài, chữa miệng.  + HS đọc bài viết của mình  - HS nêu |

**Tiết 7** **GIÁO DỤC TẬP THỂ**

**Sinh hoạt lớp**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Đánh giá các mặt hoạt động đã diễn ra trong tuần

- Giúp HS nắm được và có ý thức thực hiện đúng nội quy của HS trong nhà trường.

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ổn định tổ chức lớp**:  **2. Lớp trưởng đánh giá các mặt hoạt động trong tuần:**  - GV Yêu cầu Ban cán sự lớp đánh giá hoạt động tuần qua.  - Yêu cầu HS nêu ý kiến. GV chốt.  - Nề nếp  - Học tập  - Các mặt hoạt động khác:  **3. Bình bầu cá nhân xuất sắc: 3- 5’**  - Khen : ................................................................  - Chê: ....................................................................  **4. GV chủ nhiệm phát biểu ý kiến**  \* Đánh giá hoạt động tuần qua:  - GV nhận xét, đánh giá:  + Nề nếp: Ôn bài bước đầu có nề nếp.  + Học tập: Ôn tập tốt đảm bảo kết quả cao trong kì thi cuối năm học.  + Lao động, vệ sinh, công tác phòng chống dịch: Tương đối tốt.  \* Đánh giá hoạt động trong năm học: | - Ban cán sự lớp đánh giá hoạt động tuần qua.  - Ý kiến của HS trong lớp.  - Nề nếp:  - Học tập:  - Các hoạt động khác:  - HS bình bầu.  - Nhận xét.  - HS lắng nghe |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Thứ Sáu ngày 17 tháng 5 năm 2024**

**Tiết 1**   **TOÁN**

**Làm quen với xác suất**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Thực hành thu thập, phân tích, biểu diễn các số liệu thống kê (thông qua một số tình huống đơn giản gắn với những vấn đề thực tế

- HS biết ứng dụng thực tế để làm bài

**2. Năng lực**: Rèn luyện tính cẩn thận, năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học, nặng lực sử dụng công cụ, phương tiện toán học.

**3. Phẩm chất**: Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Toán.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Phấn màu, TV, MT.

**2. Học sinh :** Nháp, bảng con

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** |
| **1. Khởi động** (3- 5’)  - GV cho HS hát bài “ Lớp chúng mình”.  - HS hát, GV nhận xét | HS hát |
| **2. Thực hành** (28- 30’)  **Bài 1:**Cho HS thực hành kiểm đếm số HS trong lớp, số HS nam, số HS nữ của lớp để lập tỉ số :  + Số học sinh nam so với số HS cả lớp.  + Số học sinh nữ so với số HS cả lớp.  + Số học sinh nam so với số HS nữ  + Số học sinh nữ so với số HS nam  - GV yêu cầu HS đọc đề bài, phân tích bài  - Nêu cách lập tỉ số.  - Yêu cầu HS lập tỉ số.  - 1 HS lên bảng làm bài  - GV chốt cách lập tỉ số. | - 1 HS đọc bài toán  - HS lập các tỉ số tương ứng. |
| **Bài 2:** Cho HS nêu cách xếp hàng của HS lớp mình, sao cho mỗi hàng đều có số HS bằng nhau. Ví dụ HS lớp 5A có 32 bạn. Thì có bao nhiêu cách xếp để mỗi hàng có số HS bằng nhau?  - GV cho HS đọc, phân tích bài toán.  - Yêu cầu HS suy nghĩ thảo luận theo nhóm 4.  - Yêu cầu HS trình bày.  - GV chốt kết quả.  - Củng cố cách tiến hành thực nghiệm  **3. Vận dụng** (4- 5’)  - HS vận dụng cách xếp hàng vào giờ thể dục.  **4. Hoạt động tiếp nối** (1- 2’)  - GV nhận xét tiết học, dặn dò HS. | - HS đọc yêu cầu bài tập  - HS phân tích bài tập  - HS nêu cách xếp hàng:  + Xếp 2 hàng, mỗi hàng 16 bạn  + Xếp bốn hàng, mỗi hàng 8 bạn  + Xếp 8 hàng, mỗi hàng 4 bạn.  + Xếp 16 hàng, mỗi hàng 2 bạn…. |

**\* Điều chỉnh sau bài dạy**

…………………………………………………………………………………………………...

**Tiết 2**  **TẬP LÀM VĂN**

**Kiểm tra định kì cuối học kì II (Tiết 8)**

(Viết)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**:Giúp học sinh.

- Kiểm tra kĩ năng viết văn tả người

**2. Năng lực**: Rèn luyện năng lực hoạt động độc lập, hợp tác trong nhóm, mạnh dạn, tự tin trước tập thể.

**3. Phẩm chất**: Rèn luyện phẩm chất yêu thích học môn Tiếng Việt.

**II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** |
| **1. Khởi động - kết nối**: (1- 2’)  - Nêu yêu cầu  **2. Kiểm tra viết**: (38’)  - GV treo bảng phụ viết sẵn đề bài  + Hãy tả cô giáo hoặc thầy giáo của em trong 1 giờ học mà em nhớ nhất.  - GV lưu ý HS đọc kĩ đề bài, xác định yêu cầu của đề rồi mới làm bài.  - Cho HS làm bài, GV bao quát chung.  - GV thu bài, chấm điểm  **3. Củng cố, dặn dò**: (1- 2’)  - Nhận xét chung giờ học | - HS đọc lại đề, xác định đúng yêu của đề.  - HS làm bài vào giấy kiểm tra |

**\* Điều chỉnh sau bài dạy**

…………………………………………………………………………………………………...

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Tiết 3 KHOA HỌC**

**Kiểm tra định kì học kì II**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Kiểm tra kiến thức về khoa học đã học.

**2. Năng lực**: HS mạnh dạn tự tin khi thực hiện nhiệm vụ học tập và trình bày bài làm; tự giải quyết vấn đề nhanh gọn và khoa học, đúng với yêu cầu đề bài.

**3. Phẩm chất**: Rèn luyện phẩm chất yêu quý thiên nhiên và môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Đề bài.

**2. Học sinh:** ĐD học tập.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

- GV phát đề- HS tự làm

**1. Đề bài**

**I. TRẮC NGHIỆM**

**Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:**

**Câu 1.** (M 1+ 2): Chất rắn có đặc điểm gì? (0,5 điểm)

1. Không có hình dạng nhất định.

B. Có hình dạng nhất định.  
C. Có hình dạng của vật chứa nó.  
D. Cả 3 ý trên đều đúng.

**Câu 2.** (M 1+ 2): Hỗn hợp nào dưới đây được gọi là dung dịch? (0,5 điểm)

1. Nước muối loãng.

B. Đường lẫn cát.  
C. Gạo lẫn trấu.  
D. Xi- măng trộn cát.

**Câu 3.** (M 1+ 2): Chim và thú đều có bản năng gì trong quá trình sinh con và nuôi con? (0,5 điểm)

1. Nuôi con cho đến khi con của chúng đủ lông, đủ cánh và biết bay.

B. Nuôi con cho đến khi con của chúng có thể tự đi kiếm ăn.  
C. Sinh con và nuôi con cho đến khi con của chúng có thể tự đi kiếm ăn.

D. Nuôi con bằng sữa cho đến khi con của chúng có thể tự đi kiếm ăn.

**Câu 4:** (M 1+ 2): Theo em, đặc điểm nào là quan trọng nhất của nước sạch? (0,5 điểm)

1. Dễ uống.

B. Giúp nấu ăn ngon.  
C. Không mùi và không vị.  
D. Giúp phòng tránh được các bệnh về đường tiêu hóa, bệnh ngoài da, đau mắt, ...

**Câu 5:** (M 3): Để tránh lãng phí điện, em cần lưu ý điều gì? (1 điểm)

A. Chỉ sử dụng điện khi cần thiết.

B. Tắt các thiết bị sử dụng điện khi ra khỏi nhà.

C. Tiết kiệm điện khi đun nấu, sưởi, là (ủi) quần áo.

D. Chỉ sử dụng điện khi cần thiết; tiết kiệm điện khi đun nấu, sưởi, là (ủi) quần áo ; tắt các thiết bị sử dụng điện khi ra khỏi nhà.

**II. TỰ LUẬN**

**Câu 6:** (M 1+ 2): Chọn từ trong ngoặc đơn để điền vào mỗi chỗ chấm sau đây cho phù hợp: (1 điểm) **(nhụy, sinh dục, sinh sản, nhị)**

"Hoa là cơ quan ..................... của những loài thực vật có hoa. Cơ quan ................... đực gọi là ............ Cơ quan sinh dục cái gọi là ................ ".

**Câu 7:** (M 3): Em hãy tìm từ trong ngoặc thích hợp để điền vào chỗ chấm trong nội dung sau: (**cơ thể, sự thụ tinh)** (1 điểm)

"Hiện tượng tinh trùng kết hợp với trứng tạo thành hợp tử gọi là ..............

.............. Hợp tử phân chia nhiều lần và phát triển thành ............................. mới mang những đặc tính của bố và mẹ."

**Câu 8.** (M 1+ 2): Nối nội dung ở cột A với nội dung ở cột B cho phù hợp:

(1 điểm)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **A** |  | **B** |
| 1. Hiện tượng đầu nhuỵ nhận được những hạt phấn của nhị gọi là: |  | a) Sự thụ tinh. |
| 2. Hiện tượng tế bào sinh dục đực ở đầu ống phấn kết hợp với tế bào sinh dục cái của noãn gọi là: |  | b) Sự thụ phấn. |

**Câu 9.** (M 3): Em hãy tìm từ thích hợp để điền vào chỗ chấm trong nội dung sau: (1điểm)

Việc phá rừng ồ ạt đã làm cho:

- ......................... bị thay đổi; lũ lụt, .......................... xảy ra thường xuyên;

- Đất bị xói mòn trở nên ..........................................

- Động vật và thực vật quý hiếm giảm dần, một số loài đã bị ............................... và một số loài có nguy cơ bị tuyệt chủng."

**Câu 10.** (M 3):  Năng lượng gió có thể dùng để làm gì? (1 điểm)

..............................................................................................................................................................................................................................................................

**Câu 11.** (M 3):  Em hãy nêu 2 ví dụ về sự biến đổi hóa học. (1 điểm)

..............................................................................................................................................................................................................................................................

**Câu 12.** (M 4): Em hãy cho biết vì sao phải bảo vệ môi trường ? Em đã làm gì để bảo vệ môi trường? (1 điểm)

............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**2. Đáp án**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| Đáp án | B | A | C | D | D |
| Điểm | 0,5 điểm | 0,5 điểm | 0,5 điểm | 0,5 điểm | 1 điểm |

**Câu 6:** (1 điểm)

"Hoa là cơ quan **sinh sản**của những loài thực vật có hoa. Cơ quan **sinh dục** đực gọi là **nhị.** Cơ quan sinh dục cái gọi là **nhụy**".

**Câu 7:** Nối đúng mỗi ý được 0,5 điểm: (1 điểm)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **A** |  | **B** |
| 1. Hiện tượng đầu nhuỵ nhận được những hạt phấn của nhị gọi là: |  | a) Sự thụ tinh. |
| 2. Hiện tượng tế bào sinh dục đực ở đầu ống phấn kết hợp với tế bào sinh dục cái của noãn gọi là: |  | b) Sự thụ phấn. |

**Câu 8**: Điền đúng mỗi chỗ trống được 0,5 điểm: (1 điểm)

"Hiện tượng tinh trùng kết hợp với trứng tạo thành hợp tử gọi là **sự thụ tinh.** Hợp tử phân chia nhiều lần và phát triển thành**cơ thể** mới, mang những đặc tính của bố và mẹ."

**Câu 9**: Điền đúng mỗi chỗ trồng được 0,25 điểm: (1 điểm)

Việc phá rừng ồ ạt đã làm cho:

- **Khí hậu** bị thay đổi; lũ lụt**, hạn hán** xảy ra thường xuyên;

- Đất bị xói mòn trở nên **bạc màu**;

- Động vật và thực vật quý hiếm giảm dần, một số loài đã bị tuyệt chủng và một số loài có nguy cơ bị **tuyệt chủng**.

**Câu 10:** Năng lượng gió có thể dùng để chạy thuyền buồm, làm quay tua- bin của máy phát điện, ... (1 điểm)

**Câu 11:** 2 ví dụ về sự biến đổi hóa học: (1 điểm)

- Chưng đường trên ngọn lửa, đường cháy thành than.

- Cho vôi sống vào nước tạo thành vôi tôi.

( Hoặc HS có thể lấy VD khác)

**Câu 12**: Phải bảo vệ môi trường vì:

- Bảo vệ môi trường chính là bảo vệ cuộc sống của con người. (0,5 điểm).

- Một số việc bảo vệ môi trường: Học sinh trả lời theo cách hiểu của mình (0,5 điềm)

**3. Thu bài.**

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*